

# SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

## ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT QUẢN LÝ, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ

*Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua tại ngày 24/11/2023; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 12/2023/L-CTN ngày 01/12/2023; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 và thay thế Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự năm 1994.*

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT QUẢN LÝ, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ

Sau gần 30 năm thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự năm 1994, công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự đã đạt được những kết quả quan trọng, bảo đảm cho thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, góp phần tích cực vào củng cố, xây dựng thế trận khu vực phòng thủ, tăng cường tiềm lực quốc phòng để bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự năm 1994 đã bộc lộ những vướng mắc, bất cập như: một số nội dung chưa theo kịp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; việc xác định phạm vi, ranh giới bảo vệ của công trình quốc phòng và khu quân sự chưa được quy định cụ thể, rõ ràng; còn xảy ra hiện tượng lấn chiếm, xâm canh trái phép vào phạm vi được giao quản lý, bảo vệ; công tác phối hợp giữa các địa phương với Bộ Quốc phòng và các đơn vị quân đội trong xác định phạm vi, ranh giới để tổ chức quản lý, bảo vệ chưa được triển khai đồng bộ; việc xây dựng các quy hoạch, cấp phép hoạt động ở một số dự án phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý người nước ngoài cư trú ở một số địa phương, khu vực có liên quan đến công trình quốc phòng và khu quân sự chưa chặt chẽ... Những bất cập nêu trên đặt ra yêu cầu phải xây dựng Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự để tạo cơ sở pháp lý cao hơn và giải quyết kịp thời các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, thời gian qua hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (như Luật Đất đai; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quy hoạch; Luật Đầu tư; Luật Xây dựng...); trong đó, có nhiều nội dung liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Tuy nhiên, do Pháp lệnh được ban hành từ năm 1994, nên có

nhieu quy định không còn phù hợp (*nhieu quy định còn chung chung; chưa quy định về phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; chưa quy định cụ thể về lực lượng quản lý, bảo vệ...*), cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

Vì vậy, việc xây dựng Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự là cần thiết nhằm thể chế hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; khắc phục những hạn chế, bất cập của Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, hoàn thiện hệ thống pháp luật về quốc phòng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, gắn kết chặt chẽ với xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

## II. BỐ CỤC CỦA LUẬT QUẢN LÝ, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ

Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự gồm 06 chương, 34 điều, cụ thể như sau:

**1. Chương I. Quy định chung:** Gồm 08 điều (*từ Điều 1 đến Điều 8*), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) giải thích từ ngữ; (3) nguyên tắc quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (4) chính sách của Nhà nước trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (5) phân loại công trình quốc phòng và khu quân sự; (6) phân nhóm công trình quốc phòng và khu quân sự; (7) công trình lưỡng dụng; (8) những hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

**2. Chương II. Quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự:** Gồm 07 điều (*từ Điều 9 đến Điều 15*), quy định về: (1) Nội dung quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự; (2) lập hồ sơ quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự; (3) bảo quản, bảo trì công trình quốc phòng; (4) chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự; (5) phá dỡ công trình quốc phòng, di dời khu quân sự; (6) thống kê, kiểm kê công trình quốc phòng và khu quân sự; (7) trách nhiệm quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự.

**3. Chương III. Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự:** Gồm 08 điều (*từ Điều 16 đến Điều 23*), quy định về: (1) Nội dung bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (2) xác định phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (3) chế độ bảo vệ đối với khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn công trình quốc phòng và khu quân sự, vành đai an toàn kho đạn dược, hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống ăng-ten quân sự; (4) xử lý công trình, vật kiến trúc, đất, đất có mặt nước trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và

khu quân sự; (5) lực lượng bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (6) nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (7) nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng thuộc Bộ Công an phối hợp tham gia bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (8) nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng thuộc cơ quan, tổ chức được giao bảo vệ công trình quốc phòng.

**4. Chương IV. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và chế độ chính sách, ngân sách bảo đảm trong hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự:** Gồm 04 điều (*từ Điều 24 đến Điều 27*), quy định về: (1) Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (2) chế độ, chính sách đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân trong hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (3) chế độ, chính sách đối với địa phương, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị tác động bởi hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (4) ngân sách bảo đảm cho hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

**5. Chương V. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự:** Gồm 06 điều (*từ Điều 28 đến Điều 33*), quy định về: (1) Nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (2) trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; (3) trách nhiệm của Bộ Công an; (4) trách nhiệm của Ban, Bộ, ngành trung ương; (5) trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; (6) trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

**6. Chương VI. Điều khoản thi hành:** Gồm 01 điều (Điều 34) quy định về hiệu lực thi hành của Luật.

### III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT QUẢN LÝ, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ

#### 1. Những quy định chung (Chương I)

##### 1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự quy định về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; chế độ, chính sách trong hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

##### 1.2. Giải thích từ ngữ (Điều 2)

Luật giải thích 16 từ ngữ, gồm: (1) Công trình quốc phòng; (2) Khu quân sự; (3) Kho đạn dược; (4) Hệ thống ãng-ten quân sự; (5) Khu vực cấm; (6) Khu

vực bảo vệ; (7) Vành đai an toàn; (8) Phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (9) Vành đai an toàn kho đạn dược; (10) Đường cơ bản của kho đạn dược; (11) Giới hạn trong của vành đai an toàn kho đạn dược; (12) Giới hạn ngoài của vành đai an toàn kho đạn dược; (13) Bán kính an toàn kho đạn dược; (14) Hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống ăng-ten quân sự; (15) Mép ngoài hệ thống ăng-ten quân sự; (16) Chướng ngại vật ăng-ten.

### ***1.3. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 3)***

Luật quy định các nguyên tắc quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, gồm:

(1) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

(2) Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, là trách nhiệm của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, trong đó Quân đội nhân dân làm nòng cốt.

(3) Kết hợp quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự với phát triển kinh tế - xã hội, gắn phát triển kinh tế - xã hội với quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

(4) Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự phải thống nhất theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt; bảo đảm bí mật, an toàn, đúng mục đích, công năng sử dụng, phù hợp với từng loại, nhóm công trình quốc phòng và khu quân sự.

### ***1.4. Phân loại công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 5)***

Luật quy định, theo chức năng nhiệm vụ, mục đích sử dụng, công trình quốc phòng và khu quân sự được phân thành 04 loại, gồm: loại A, loại B, loại C và loại D, cụ thể:

- Công trình quốc phòng và khu quân sự loại A phục vụ nhiệm vụ tác chiến phòng thủ bảo vệ Tổ quốc, bao gồm: (1) Công trình quốc phòng gồm công trình chỉ huy, công trình tác chiến, bảo đảm tác chiến; công trình sơ tán thời chiến của Ban, Bộ, ngành trung ương; sân bay quân sự, bến cảng quân sự; hang động tự nhiên được cải tạo hoặc quy hoạch sử dụng cho nhiệm vụ tác chiến, phòng thủ; thành cổ, pháo đài cổ, hầm, hào, lô cốt do lịch sử để lại; (2) Khu quân sự gồm khu vực sở chỉ huy các cấp, căn cứ quân sự, khu vực bố trí trận địa chiến đấu, bảo đảm chiến đấu.

- Công trình quốc phòng và khu quân sự loại B phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập của lực lượng quân đội và Dân quân tự vệ, bao gồm: (1) Công trình quốc phòng gồm công trình trường bắn, thao trường huấn luyện; (2) Khu quân sự gồm trường bắn, trung tâm huấn luyện, khu vực phục vụ diễn tập quân sự thuộc Bộ Quốc phòng.

- Công trình quốc phòng và khu quân sự loại C phục vụ cất trữ, sửa chữa, tiêu hủy vũ khí, đạn dược, trang bị, nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất các sản phẩm quốc phòng, bao gồm: (1) Công trình quốc phòng để cất trữ đạn dược, vũ khí, trang bị kỹ thuật các cấp; cất trữ vật chất hậu cần, xăng dầu phục vụ quân đội; công trình phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, tiêu hủy vũ khí, đạn dược, trang bị; (2) Khu quân sự gồm kho đạn dược, vũ khí, trang bị kỹ thuật, vật chất hậu cần; nhà máy, xí nghiệp quốc phòng, cơ sở nghiên cứu, thử nghiệm vũ khí, khu vực xử lý tiêu hủy vũ khí, đạn dược.

- Công trình quốc phòng và khu quân sự loại D phục vụ sinh hoạt, học tập, làm việc thường xuyên của quân đội, bao gồm: (1) Công trình quốc phòng gồm nhà làm việc, nhà ở, nhà ăn, nhà bếp, hội trường, nhà chuyên dùng, công trình hạ tầng kỹ thuật; (2) Khu quân sự gồm trụ sở cơ quan quân sự các cấp, doanh trại quân đội, học viện, nhà trường, viện nghiên cứu, bệnh viện, bệnh xá, cơ sở an dưỡng, điều dưỡng quân đội, trung tâm văn hóa, thể thao quốc phòng, khu nhà công vụ, bảo tàng quân sự và cơ sở giam giữ.

### ***1.5. Phân nhóm công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 6)***

Theo tính chất quan trọng và yêu cầu quản lý, bảo vệ, công trình quốc phòng và khu quân sự phân thành Nhóm đặc biệt, Nhóm I, Nhóm II và Nhóm III.

- Nhóm đặc biệt gồm các công trình quốc phòng, khu quân sự đặc biệt quan trọng phải áp dụng biện pháp quản lý, bảo vệ đặc biệt nghiêm ngặt để bảo đảm bí mật, an toàn tuyệt đối.

- Nhóm I gồm các công trình quốc phòng, khu quân sự rất quan trọng có yêu cầu quản lý, bảo vệ rất nghiêm ngặt, bảo đảm bí mật, an toàn.

- Nhóm II gồm các công trình quốc phòng, khu quân sự quan trọng có yêu cầu quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt, bảo đảm bí mật, an toàn.

- Nhóm III gồm các công trình quốc phòng, khu quân sự được áp dụng các biện pháp quản lý, bảo vệ để bảo đảm bí mật, an toàn.

### ***1.6. Công trình lưỡng dụng (Điều 7)***

Luật bổ sung quy định về công trình lưỡng dụng, cụ thể như sau:

- Công trình lưỡng dụng là công trình sử dụng cho cả mục đích quân sự,

quốc phòng và mục đích dân sự, gồm công trình dân sự có tính lưỡng dụng và công trình quốc phòng sử dụng lưỡng dụng, được cấp có thẩm quyền quyết định khi phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc chuyển đổi, bổ sung mục đích sử dụng.

- Cơ quan chủ trì thẩm định chủ trương đầu tư, dự án công trình dân sự có tính lưỡng dụng có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng về tính lưỡng dụng của công trình trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình lưỡng dụng có trách nhiệm cung cấp hồ sơ thiết kế, hoàn công và phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Quốc phòng để đăng ký danh mục, phân loại, phân nhóm, quản lý hồ sơ theo quy định của Bộ Quốc phòng.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng, bãi bỏ sử dụng lưỡng dụng đối với công trình quốc phòng.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định có thời hạn việc chuyển công trình lưỡng dụng từ sử dụng cho mục đích dân sự sang sử dụng cho mục đích quân sự trong trường hợp cấp bách để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, trong tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

- Việc quản lý, bảo vệ công trình lưỡng dụng được quy định như sau:

+ Công trình lưỡng dụng khi sử dụng cho mục đích dân sự được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan và được lập hồ sơ quản lý, thống kê, kiểm kê công trình theo quy định.

+ Công trình lưỡng dụng khi sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng được quản lý, bảo vệ theo quy định của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

+ Trường hợp công trình lưỡng dụng sử dụng đồng thời cho cả mục đích quân sự, quốc phòng và mục đích dân sự thì chủ sở hữu công trình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức việc quản lý, bảo vệ công trình theo quy định của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự và pháp luật có liên quan.

+ Việc cải tạo, sửa chữa công trình dân sự có tính lưỡng dụng làm thay đổi công năng sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng phải có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng.

- Việc thay đổi chủ sở hữu hoặc đưa công trình dân sự có tính lưỡng dụng ra khỏi danh mục công trình lưỡng dụng phải có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng và được phép của cấp có thẩm quyền.

- Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng công trình lưỡng dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng công trình dân sự sang công trình lưỡng dụng.

### ***1.7. Những hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8)***

Luật quy định 06 nhóm hành vi bị nghiêm cấm, gồm:

(1) Chiếm đoạt, chiếm giữ, lấn chiếm, xâm nhập trái phép; phá hoại, làm hư hỏng kiến trúc, kết cấu, trang thiết bị của công trình quốc phòng và khu quân sự.

(2) Thu thập trái phép, chiếm đoạt, hủy hoại, làm lộ bí mật hồ sơ, tài liệu, thông tin công trình quốc phòng và khu quân sự.

(3) Sử dụng trái phép, sai mục đích; chuyển mục đích sử dụng, phá dỡ công trình quốc phòng và di dời khu quân sự trái quy định của pháp luật.

(4) Xây dựng, khai thác, đặt thiết bị làm ảnh hưởng đến kiến trúc, kết cấu, công năng sử dụng, an toàn, bí mật của công trình quốc phòng và khu quân sự.

(5) Cản trở, chống đối việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng quản lý, bảo vệ hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

(6) Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự để trục lợi, xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

## **2. Quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự (Chương II)**

### ***2.1. Nội dung quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 9)***

Luật quy định 05 nội dung quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự, gồm: (1) Lập hồ sơ quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự; (2) Bảo quản, bảo trì công trình quốc phòng.; (3) Chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự; (4) Phá dỡ công trình quốc phòng, di dời khu quân sự; (5) Thống kê, kiểm kê công trình quốc phòng và khu quân sự.

### ***2.2. Chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 12)***

- Việc chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự phải không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo đảm bí mật nhà nước; phù hợp với quy hoạch hệ thống công trình quốc phòng, khu quân sự được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các trường hợp công trình quốc phòng và khu quân sự được chuyển mục đích sử dụng, bao gồm: (1) Chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng,

khu quân sự do Bộ Quốc phòng quản lý theo yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; (2) Không còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng cần chuyển mục đích sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ nhu cầu dân sinh; (3) Còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng nhưng nằm trong phạm vi thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Bộ Quốc phòng thống nhất bằng văn bản về chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng, khu quân sự trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

- Thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự được quy định như sau:

+ Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng, khu quân sự sang mục đích khác đối với trường hợp công trình quốc phòng và khu quân sự không còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng cần chuyển mục đích sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ nhu cầu dân sinh; công trình còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng nhưng nằm trong phạm vi thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Bộ Quốc phòng thống nhất bằng văn bản về chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng, khu quân sự trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; đồng thời xem xét, chấp thuận việc thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích đất có công trình quốc phòng, khu quân sự được chuyển sang mục đích khác.

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng, khu quân sự do Bộ Quốc phòng quản lý theo yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

- Trường hợp chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng nhưng nằm trong phạm vi thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Bộ Quốc phòng thống nhất bằng văn bản về chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng, khu quân sự trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án được thực hiện như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí quỹ đất để thiết lập khu quân sự ở vị trí mới phù hợp với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

+ Cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư thực hiện dự án phải thực hiện bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình quốc phòng, thiết lập khu quân sự ở vị trí mới, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo quy định của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự và pháp luật có liên quan.



- Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng, khu quân sự có gắn với thu hồi đất quốc phòng thì việc bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự và pháp luật có liên quan.

### **2.3. Phá dỡ công trình quốc phòng, di dời khu quân sự (Điều 13)**

- Công trình quốc phòng được phá dỡ trong các trường hợp sau đây:

+ Bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng ảnh hưởng đến an toàn trong quản lý, khai thác, sử dụng.

+ Đã hoàn thành nhiệm vụ đối với công trình được xây dựng, lắp đặt tạm thời.

+ Không còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng nhưng do yêu cầu bảo đảm bí mật Nhà nước mà không được chuyển mục đích sử dụng.

+ Nằm trong phạm vi thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội mà cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư thực hiện dự án không có nhu cầu tiếp tục sử dụng hoặc phải phá dỡ để bảo đảm bí mật nhà nước.

+ Để xử lý các tình huống cấp bách theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Khu quân sự được di dời trong các trường hợp sau đây:

+ Di dời theo yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

- Di dời để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thẩm quyền quyết định phá dỡ công trình quốc phòng, di dời khu quân sự:

+ Thủ tướng Chính phủ quyết định di dời khu quân sự trong trường hợp:

(1) Di dời theo yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng có liên quan đến thu hồi đất; (2) Di dời để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng:

(1) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định phá dỡ công trình quốc phòng bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng ảnh hưởng đến an toàn trong quản lý, khai thác, sử dụng; đã hoàn thành nhiệm vụ đối với công trình được xây dựng, lắp đặt tạm thời; không còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng nhưng do yêu cầu bảo đảm bí mật Nhà nước mà không được chuyển mục đích sử dụng; nằm trong phạm vi thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội mà cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư thực hiện dự án không có nhu cầu tiếp tục sử dụng

hoặc phải phá dỡ để bảo đảm bí mật nhà nước; để xử lý các tình huống cấp bách theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

(2) Quyết định di dời khu quân sự trong trường hợp theo yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng mà không thuộc trường hợp phá dỡ.

- Việc phá dỡ công trình quốc phòng, di dời khu quân sự thực hiện theo phương án, giải pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **2.4. Trách nhiệm quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 15)**

Luật quy định về trách nhiệm quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự như sau:

(1) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao đơn vị trong biên chế đảm nhiệm chuyên trách quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự Nhóm đặc biệt và công trình quốc phòng Nhóm I thuộc loại A không niêm cất, lấp phủ.

(2) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng trực tiếp sử dụng hoặc được giao có trách nhiệm quản lý công trình quốc phòng, khu quân sự Nhóm I, Nhóm II và Nhóm III, trừ công trình thuộc trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

(3) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, các Ban, Bộ, ngành trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình sơ tán thời chiến của Ban, Bộ, ngành mình tổ chức thực hiện nội dung quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự.

(4) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Bộ Quốc phòng, Ban, Bộ, ngành trung ương, các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn thực hiện nội dung quản lý đối với công trình quốc phòng và khu quân sự tại địa phương.

### **3. Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Chương III)**

#### **3.1. Nội dung bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 16)**

Luật quy định nội dung bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự gồm:

(1) Xác định phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

(2) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ, phòng chống các hành vi xâm hại đến an toàn, bí mật của công trình quốc phòng và khu quân sự; phòng chống thiên tai, hỏa hoạn.

(3) Bảo đảm an toàn về người, vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ và cơ sở vật chất trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; xây dựng địa bàn nơi có công trình quốc phòng và khu quân sự ổn định về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

### ***3.2. Xác định phạm vi bảo vệ của công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 17)***

Luật quy định nguyên tắc, phương pháp xác định từng thành phần thuộc phạm vi bảo vệ của công trình quốc phòng và khu quân sự, gồm các phạm vi: Khu vực cấm; khu vực bảo vệ; vành đai an toàn; vành đai an toàn kho đạn dược; hành lang an toàn hệ thống ăng-ten quân sự.

(1) Phạm vi khu vực cấm của công trình quốc phòng và khu quân sự xác định theo từng loại, nhóm, yêu cầu quản lý bảo vệ, vị trí, điều kiện địa hình, dân cư nơi có công trình quốc phòng, khu quân sự.

(2) Phạm vi khu vực bảo vệ của công trình quốc phòng và khu quân sự được xác định từ ranh giới của khu vực cấm trở ra xung quanh một khoảng cách nhất định theo từng loại, nhóm, được thể hiện trên sơ đồ, bản đồ và thực địa, có cột mốc, biển báo, phao tiêu để xác định.

(3) Phạm vi vành đai an toàn công trình quốc phòng và khu quân sự được tính từ ranh giới phía ngoài của khu vực bảo vệ hoặc khu vực cấm trở ra xung quanh một khoảng cách nhất định theo loại, nhóm, yêu cầu quản lý, bảo vệ, vị trí, điều kiện địa hình, dân cư, được thể hiện trên sơ đồ, bản đồ, văn bản của cấp có thẩm quyền.

(4) Phạm vi vành đai an toàn kho đạn dược được xác định từ giới hạn trong trở ra xung quanh với khoảng cách bằng bán kính an toàn được thể hiện trên sơ đồ, bản đồ và thực địa, có cột mốc, biển báo, phao tiêu hoặc hào ngăn cách để xác định

(5) Phạm vi hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống ăng-ten quân sự xác định theo tính năng kỹ thuật của từng hệ thống ăng-ten quân sự.

(6) Phạm vi bảo vệ của công trình quốc phòng loại A thuộc Nhóm III và khu quân sự Loại D thuộc nhóm III chỉ xác định khu vực cấm, không xác định khu vực bảo vệ và vành đai an toàn.

### ***3.3. Chế độ bảo vệ đối với khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn công trình quốc phòng và khu quân sự; vành đai an toàn kho đạn dược, hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống ăng-ten quân sự (Điều 18)***

Để quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, Điều 18 Luật quy định về các hoạt động được phép thực hiện, không được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện khi được cấp có thẩm quyền cho phép đối với từng khu vực trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, gồm:

(1) Chế độ bảo vệ đối với khu vực cấm: (a) Chỉ thực hiện hoạt động quân sự, quốc phòng phù hợp với công năng, nhiệm vụ của công trình quốc phòng,

khu quân sự; (b) người, phương tiện có nhiệm vụ ra, vào khu vực cấm phải mang theo các loại giấy tờ do cấp có thẩm quyền quy định; chỉ thực hiện nhiệm vụ được phê duyệt và chịu sự kiểm tra, hướng dẫn của lực lượng bảo vệ; (c) không được ghi âm, ghi hình, điều tra, khảo sát, định vị, đo vẽ, ghi chép miêu tả, đăng tải, phát tán trên phương tiện thông tin đại chúng, không gian mạng về công trình quốc phòng, khu quân sự, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý.

(2) Chế độ bảo vệ đối với khu vực bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm đặc biệt.

(3) Chế độ bảo vệ đối với khu vực bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm I, Nhóm II và Nhóm III.

(4) Chế độ bảo vệ đối với vành đai an toàn công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm đặc biệt.

(5) Chế độ bảo vệ đối với vành đai an toàn công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm I, Nhóm II và Nhóm III.

(6) Chế độ bảo vệ đối với vành đai an toàn kho đạn dược.

(7) Chế độ bảo vệ đối với hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống ăng-ten quân sự.

(8) Quản lý phương tiện bay trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

(9) Chế độ quản lý hoạt động của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

### **3.4. Lực lượng bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 20)**

- Lực lượng bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự gồm: (1) lực lượng của Bộ Quốc phòng làm nòng cốt; (2) lực lượng của Bộ Công an phối hợp tham gia bảo vệ; (3) lực lượng bảo vệ của Ban, Bộ, ngành, địa phương được giao quản lý, sử dụng, bảo vệ công trình quốc phòng.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định lực lượng bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, bao gồm: (1) lực lượng chuyên trách bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự Nhóm đặc biệt và các công trình quốc phòng Nhóm I loại A không niêm cất, lắp phủ; (2) lực lượng bảo vệ của đơn vị đóng quân trực tiếp quản lý, sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự; (3) lực lượng thuộc cơ quan quân sự địa phương và dân quân tự vệ bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được giao quản lý, sử dụng trên địa bàn.

- Người đứng đầu Ban, Bộ, ngành trung ương có trách nhiệm tổ chức lực lượng thuộc phạm vi quản lý để bảo vệ công trình sơ tán thời chiến của cơ quan

minh; trường hợp không tổ chức được lực lượng bảo vệ thì bàn giao công trình cho Bộ Quốc phòng để bố trí lực lượng thuộc cơ quan quân sự địa phương trực tiếp bảo vệ; khi cần sử dụng, Bộ Quốc phòng giao lại cho ban, bộ, ngành trung ương bảo vệ theo quy định của Luật Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

- Tiêu chuẩn người làm công tác bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự: (1) Là công dân Việt Nam làm việc trong cơ quan, đơn vị, tổ chức được Nhà nước giao quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; (2) Có đủ tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lý lịch rõ ràng; chấp hành nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước; (3) Đủ sức khoẻ bảo đảm thực hiện nhiệm vụ; (4) Được huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ được giao.

### ***3.5. Nhiệm vụ, quyền hạn bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự***

Luật quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 21); lực lượng thuộc Bộ Công an phối hợp tham gia bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 22); lực lượng thuộc cơ quan, tổ chức được giao bảo vệ công trình quốc phòng (Điều 23).

## **4. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và chế độ, chính sách, ngân sách bảo đảm trong hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Chương IV)**

Luật quy định cụ thể về: (1) Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 24); (2) Chế độ, chính sách đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân trong hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 25); (3) Chế độ, chính sách đối với địa phương, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị tác động bởi hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 26); (4) Ngân sách bảo đảm cho hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Điều 27).

## **5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (Chương V)**

- Luật quy định cụ thể về nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, theo đó Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; các Bộ, cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm trước Chính phủ chủ trì, phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự thuộc phạm vi lĩnh vực được phân công trong phạm vi cả nước;

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự tại địa phương.

- Quy định về trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Ban, Bộ, ngành trung ương; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

## **6. Điều khoản thi hành (Chương VI)**

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự số 32-L/CTN hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

### ***Nơi nhận:***

- Các Ban Đảng TU, VP TU;
- UBKT Tỉnh uỷ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT STP, PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền).

đề  
tuyên  
truyền

**SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG**